

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 28.07.2017

Phiên bản 1.1

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	135-19-3

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

822290

Tên sản phẩm

2-Naphthol for synthesis

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Đường miệng, H302

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Hít phải, H332

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H302 + H332 Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải.

H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Lời cảnh báo
Cảnh báo

Số CAS 135-19-3

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	C ₁₀ H ₈ O (Hill)
Số EC	205-182-7
Khối lượng mol	144,17 g/mol

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
2-naphthol (<= 100 %)		
135-19-3	*)	

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H332

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật, Nhóm 1, H400

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Sau khi hít phải: không khí sạch. Nếu ngừng thở: hà hơi thổi ngạt hoặc hô hấp nhân tạo. Thở ô xy nếu cần. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

các ảnh hưởng gây kích ứng, liệt hô hấp, ngừng thở, đau dạ dày, Bất tỉnh, Khát nước, tâm trạng lo âu, Tiêu chảy, Buồn nôn, Nôn mửa, suy sụp, Đau đầu, Co giật, sốc, Rối loạn CNS, bồn chồn
Rủi ro bị hiện tượng mờ dạng mây ở giác mạc.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Nước, Bọt, Carbon đioxit (CO₂), Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà.

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Thông tin khác

Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp:

Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10). Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp.

Các biện pháp vệ sinh

Thay quần áo bẩn. Khuyến nghị bảo vệ da phòng ngừa. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Khô. Được bảo vệ tránh ánh sáng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822290
Tên sản phẩm 2-Naphthol for synthesis

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822290
Tên sản phẩm 2-Naphthol for synthesis

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 2 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn của hóa chất có hại
Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu trắng
Mùi đặc trưng	giống mùi phenol
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm nóng chảy	121,6 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822290
Tên sản phẩm 2-Naphthol for synthesis

Điểm sôi/khoảng sôi	294,8 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	153 °C Phương pháp: c.c.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	< 0,1 hPa ở 30 °C 13,3 hPa ở 146 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,27 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	1 g/l ở 20 °C
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 2,70 (thử nghiệm) (Lit) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

Nhiệt độ bốc cháy	430 °C
Năng lượng cháy cực tiểu	> 5 mJ
Mật độ lớn	Khoảng 300 kg/m ³

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi không khí nóng quá mức.

Khoảng từ 15 độ Kelvin dưới điểm chớp được xếp hạng là nguy hiểm.

Điều sau đây áp dụng chung cho các chất và hỗn hợp hữu cơ dễ cháy: trong điều kiện phân phối tốt; khi xoáy lên, nguy cơ về nổ bụi có thể xảy ra.

10.2 Tính ổn định hóa học

Nhạy cảm với ánh sáng

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit halides, anhydrit, kali permanganat, axit khoáng, Axit hữu cơ, phenon, chất hữu cơ dễ cháy, hợp chất sắt (III), axit

10.4 Các điều kiện cần tránh

Nhiệt độ cao.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822290
Tên sản phẩm 2-Naphthol for synthesis

10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

LD50 Chuột: 1.960 mg/kg

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401

Triệu chứng: Buồn nôn, Nôn mửa, đau dạ dày

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy

Độc tính cấp qua da

LD50 Thỏ: > 10.000 mg/kg

(RTECS)

Kích ứng da

Thỏ

Kết quả: Kích ứng nhẹ

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Kích ứng mắt

Thỏ

Kết quả: Kích ứng nhẹ

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Rủi ro bị hiện tượng mờ dạng mây ở giác mạc.

Nhạy cảm

Thông tin này không có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Sau khi hấp thụ:

Đau đầu, Khát nước, Tiêu chảy, hạ huyết áp, Co giật, bồn chồn, tâm trạng lo âu, sốc, suy sụp, liệt hô hấp, hiện tượng dung huyết, Bất tỉnh, ngưng thở, Rối loạn CNS

Hư hỏng đối với:

Thận, Gan

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 3,46 mg/l; 96 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 3,5 mg/l; 48 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

12.2 Tính bền vững và phân hủy

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Tính phân hủy sinh học

68 %; 14 d

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 301C

Ratio BOD/ThBOD

BOD5 68 %

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: 2,70

(thử nghiệm)

(Lít) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822290
Tên sản phẩm 2-Naphthol for synthesis

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bồn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (2-NAPHTHOL)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có

Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm -

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (2-NAPHTHOL)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	không

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 3077
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (2-NAPHTHOL)
14.3 Hạng	9
14.4 Nhóm đóng gói	III
14.5 môi trường độc hại	có
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có

EmS F-A S-F

Các gói nhỏ hơn hoặc bằng 5 kg / L, không phải hàng hóa nguy hiểm thuộc Nhóm 9

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 822290
Tên sản phẩm 2-Naphthol for synthesis

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H302	Có hại nếu nuốt phải.
H332	Có hại nếu hít phải.
H400	Rất độc đối với thủy sinh vật.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H302 + H332 Có hại nếu nuốt phải hoặc hít phải.

H400 Rất độc đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	822290
Tên sản phẩm	2-Naphthol for synthesis

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.